TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2024
V/v: Chị Đặng Thị N xin ly hôn anh Bùi Xuân Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Ông Ngô Gia Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Doãn Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1986; nơi thường trú: Thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Anh **Bùi Xuân Q**, sinh năm 1979; nơi thường trú: Thôn T, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày***:

Chị và anh Bùi Xuân Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2012, đầu năm 2013 chị có thai và đến ngày 03 tháng 10 năm 2013 chị sinh con Bùi Thanh N1. Khi tìm hiểu và chung sống, chị chưa có chồng, chưa có con, anh Q đã có vợ, đã ly hôn và có 01 con riêng. Thời điểm trước và sau khi sinh con N1, anh chị chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 29 tháng 10 năm 2014, chị và anh Q mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống trước và sau đăng ký kết hôn, chị và anh Q sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Chị ở xa về làm dâu, chị đã sống đúng đạo dâu con với gia đình chồng, chăm sóc con riêng anh Q chu đáo, không xảy ra điều tiếng gì. Tuy nhiên, đến năm 2018 giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do anh Q công khai quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hiện đã có con riêng. Khi phát hiện anh Q ngoại tình, chị đã góp ý nhiều lần, anh Q không những không nghe mà còn tìm mọi lý do đánh đập chị. Vì con, chị nhẫn nhịn chịu đựng nhưng anh Q không thay đổi. Từ cuối năm 2020 đến nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tết Âm lịch 2024, anh Q công khai đưa bồ và con riêng về nhà ăn Tết. Ngày 12 tháng 02 năm 2024, do việc làm của anh Q vượt quá sức chịu đựng của chị và do xác định không thể chung sống cùng anh Q được nữa, chị đã đưa con ra ngoài thuê nhà trọ ở. Anh Q và gia đình không tìm chị về. Nay chị xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn, chị không còn niềm tin vào anh Q và anh chị đã có thời gian 04 năm sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, do đó, chị xin ly hôn anh Q để chị ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống.

Chị và anh Bùi Xuân Q có một con chung là Bùi Thanh N1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2013. Ly hôn, vì con đang ở cùng chị cuộc sống ổn định, do đó, chị đề nghị được nuôi con N1 và không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con N1 cùng chị. Hiện chị làm công nhân tại Công ty Molatec Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thái Bình, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng đến 08

triệu đồng/01 tháng. Anh Q hiện làm gì, thu nhập bao nhiêu, chị không biết, không quan tâm.

Chị và anh Bùi Xuân Q tự thoả thuận phân chia tài sản chung, chị và anh Q không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Toà án giải quyết về chia tài sản chung.

Trước và sau khi nộp đơn ly hôn, nhiều lần chị nói chuyện với anh Q tình cảm không còn thì cùng lên Toà án giải quyết nhưng anh Q nói sẽ không đến Toà án, Toà án báo gọi cũng không đến, Toà án xuống địa phương cũng không làm việc, do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo trình tự vắng mặt anh Q. Về phía chị, do công việc bận, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Đối với bị đơn anh Bùi Xuân Q***:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Bùi Xuân Q, gia đình anh Q đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không có lời khai tại Tòa án và không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 27 tháng 02 năm 2024, cháu Bùi Thanh N1 trình bày:***

Bố đẻ cháu là Bùi Xuân Q. Mẹ đẻ cháu là Đặng Thị N. Hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 12 tháng 3 năm 2024, bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ anh Q) trình bày:***

Anh Q và chị N tự nguyện chung sống, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Khi đó, anh Q kết hôn lần 2, đã có con riêng, chị N kết hôn lần đầu. Anh chị chung sống cùng gia đình bà tại xã V1 đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do chị N có mâu thuẫn với con riêng anh Q, anh Q giận vợ nên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Về phía gia đình có khuyên bảo, góp ý, hòa giải với anh chị nhưng không có kết quả. Tết Nguyên đán năm 2024, chị N thuê nhà ở riêng. Nay chị N xin ly hôn anh Q, gia đình bà đã hòa

giải nhưng chị N không nghe, gia đình bà giữ người ở chứ không giữ người đi, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N.

Anh Q và chị N có một con chung là Bùi Thanh N1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2013. Nay anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con N1 cho chị N nuôi vì cháu là con gái, cần tình cảm và sự gần gũi của mẹ. Việc cấp dưỡng cho con N1, tùy anh chị quyết định, bà không có ý kiến gì.

Anh Q, chị N không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh Q, gia đình đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh Q. Anh Q nói sẽ không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến gì vì anh Q không bỏ vợ.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 12 tháng 3 năm 2024, đại diện thôn T, đại diện UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh Q và chị N về chung sống tại địa phương từ năm 2012, cuối năm 2013 chị N sinh con chung, sau đó đến ngày 29 tháng 10 năm 2014 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh Q kết hôn lần 2 và đã có 01 con riêng, chị N kết hôn lần đầu. Từ khi chung sống, kết hôn, anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Thời gian gần đây, địa phương nắm bắt được thông tin giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh Q có tình cảm với người phụ nữ khác và hiện chị N đã thuê nhà trọ ở, không sống cùng anh Q. Nay chị N xin ly hôn anh Q, về phía địa phương, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Q và chị N có một con chung là Bùi Thanh N1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2013. Nếu anh chị ly hôn, về nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Q và chị N không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến các tổ chức tín dụng và đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị N được ly hôn anh Q. Giao cho chị N nuôi con N1, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Đặng Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Xuân Q, anh Q có nơi thường trú tại xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Xuân Q nhưng anh Q không đến Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Q.

[1.3] Ngày 29 tháng 3 năm 2024, chị Đặng Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bùi Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản

2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị N, anh Q.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 29 tháng 10 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trước khi đăng ký kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 01 con chung Bùi Thanh N1. Sau kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân, theo chị N là do anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng, khi chị góp ý, anh Q tìm mọi lý do đánh đập chị và anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, Tết Âm lịch năm 2024 chị đã thuê trọ ở riêng. Xét thấy: Lời khai của chị N về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với cung cấp của bà Tơ (mẹ đẻ anh Q). Về phía anh Q, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến quan điểm tại Tòa án, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hòa giải, không có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Q là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N ly hôn anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q có một con chung là Bùi Thanh N1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2013. Xét thấy: Hiện con N1 đang ở cùng chị N cuộc sống ổn định, con N1 là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, khi Tòa án lấy lời khai, cháu Nhàn có nguyện vọng ở cùng mẹ, về phía chị N có công việc và có thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng Nhàn là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng cho con, việc chị

N không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con N1 cùng chị là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do đó, HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Đặng Thị N trình bày chị và anh Bùi Xuân Q không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung của anh chị không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thanh N1, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2013. Anh Bùi Xuân Q không phải cấp dưỡng cho con chung Bùi Thanh N1 cùng chị Đặng Thị N.

2.2. Anh Bùi Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001579 đề ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang án phí. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N và anh Bùi Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 71, quyển số 01, ngày 29/10/2014);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương